

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Chương trình khuyến nông tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021 - 2025 phê duyệt kèm theo Quyết định số 944/QĐ-UBND, ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015, được sửa đổi, bổ sung tại Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017, và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông;

Căn cứ Nghị quyết số 03-NQ/TU, ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Ban chấp hành tỉnh Đảng bộ về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1316/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 944/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Chương trình Khuyến nông tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 21/TTr-SNN ngày 17/02/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Chương trình khuyến nông tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021 - 2025 phê duyệt kèm theo Quyết định số 944/QĐ-UBND, ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh với những nội dung chi tiết tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Chương trình đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Sau khi Quyết định này được ban hành; Quyết định số 1082/QĐ-UBND, ngày 01/6/2022 của UBND tỉnh hết hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực TU (b/c);
- TT.HĐND tỉnh (b/c);
- TT. UBND tỉnh (b/c);
- UBMTTQ VN;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Phòng KT-NV, TTTH-CB;
- Lưu: VT.4.07.05.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Liệt

PHỤ LỤC

Sửa đổi, bổ sung Chương trình khuyến nông tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021 - 2025 phê duyệt kèm theo Quyết định số 944/QĐ-UBND, ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 372/QĐ-UBND ngày 23/ 02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long)

I. Căn cứ pháp lý (Phần II – Chương trình)**Các văn bản của tỉnh – trang 3 (bổ sung)**

- Nghị quyết số 03-NQ/TU, ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Ban chấp hành tỉnh Vĩnh Long về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 1316/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2021-2030.

II. Đề xuất danh mục dự án sự nghiệp và hoạt động khuyến nông thường xuyên ưu tiên (Phần V – Chương trình)**1. Dự án lĩnh vực trồng trọt**

Số TT	Tên Dự Án	Kinh Phí (triệu đồng)
1	Phát triển sản xuất lúa ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2025	6.014
2	Hỗ trợ phát triển sản xuất vùng chuyên canh khoai lang phục vụ xuất khẩu giai đoạn 2021-2023	2.041,3
3	Xây dựng mô hình ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất lúa giai đoạn 2021-2025	2.502,8
4	Dự án “Xây dựng mô hình trình diễn sản xuất khóm (dứa) theo hướng GAP, tại huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2023-2024	2.900
5	Hỗ trợ phát triển mô hình nông nghiệp đô thị an toàn theo hướng hữu cơ tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2023-2025	1.500
6	Xây dựng mô hình cam Sành hữu cơ tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2023-2025	8.500
	Tổng cộng kinh phí	23.458,1

(Chi tiết kèm theo phụ lục 1)

2. Dự án lĩnh vực chăn nuôi

Số TT	Tên Dự Án	Kinh Phí (triệu đồng)
1	Hỗ trợ phát triển đàn bò sinh sản theo hướng an toàn sinh học quy mô nông hộ tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2025	6.303
2	Hỗ trợ phát triển chăn nuôi gà thịt theo hướng hữu cơ gắn liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2023-2025	3.300
3	Nhân rộng mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ trứng vịt theo hướng giá trị gia tăng tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2025	6.139,4
4	Xây dựng mô hình chăn nuôi vịt thịt gắn liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2023-2025	3.300
	Tổng cộng chi phí	19.042,4

(Chi tiết kèm theo phụ lục 2)

3. Dự án khuyến nông lĩnh vực thủy sản

Số TT	Tên Dự Án	Kinh phí (triệu đồng)
1	Xây dựng vùng nuôi lươn thâm canh đảm bảo an toàn thực phẩm gắn với liên kết sản xuất và tiêu thụ tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2024	1.705,4
2	Hỗ trợ nuôi các loài thủy đặc sản thâm canh theo hướng ATTP gắn với liên kết sản xuất và tiêu thụ tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2023-2025	1.800
	Tổng cộng chi phí	3.505,4

(Chi tiết kèm theo phụ lục 3)

4. Hỗ trợ chứng nhận nông nghiệp hữu cơ, VietGAP, GlobalGAP và xây dựng nhãn hiệu hàng hóa

Số TT	Tên Dự Án	Kinh phí (triệu đồng)
1	Phát triển thị trường và xây dựng thương hiệu cho nông sản đặc sản tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2024-2025	2.000
2	Hỗ trợ xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp đạt tiêu chuẩn GAP (và tương đương) trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2023 –2025	2.400
	Tổng cộng kinh phí	4.400

(Chi tiết kèm theo phụ lục 4)

5. Dự án khuyến nông phát triển sản xuất giống

Số TT	Tên Dự Án	Kinh phí (triệu đồng)
1	Phát triển giống cây ăn trái tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2025	11.875,2
2	Phát triển giống lúa gạo tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2025	6.968,1
3	Phát triển giống heo chất lượng cao tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2025	5.976,8
4	Phát triển giống thủy sản tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2023-2025	4.500
	Tổng cộng kinh phí	29.320,1

(Chi tiết kèm theo phụ lục 5)

6. Hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp

Số TT	Tên Dự Án	Kinh Phí (triệu đồng)
1	Xây dựng vùng nguyên liệu dừa đạt chứng nhận hữu cơ gắn với liên kết tiêu thụ giai đoạn 2023-2025	8.007
2	Nhân rộng mô hình sử dụng hom giống khoai lang đạt tiêu chuẩn chất lượng trên địa bàn huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2023-2024	2.327,2
3	Phát triển sản xuất vùng chuyên canh xà lách xoong theo hướng hữu cơ trên địa bàn thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2023-2025	2.220
4	Ứng dụng công nghệ sinh học trong xây dựng và quản lý vùng trồng an toàn dịch hại tỉnh Vĩnh Long phục vụ xuất khẩu giai đoạn 2024-2025	4.000
5	Xây dựng mô hình nông nghiệp công nghệ cao theo chuỗi giá trị trên lĩnh vực rau màu tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2023-2025	3.000
6	Ứng dụng chuyển đổi số trong nâng cao hiệu quả hoạt động tư vấn Khuyến nông và thông tin tuyên truyền tại tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2024-2025	4.000
7	Dự án “Đầu tư sản xuất giống và khôi phục vùng chuyên canh cây bưởi Năm Roi tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2023-2025”	2.067
8	Ứng dụng thiết bị bay không người lái (máy bay nông nghiệp) trong sản xuất nông nghiệp tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2023-2024	3.350
	Tổng cộng kinh phí	28.971,2

(Chi tiết kèm theo phụ lục 6)

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN (Phần VII - Chương trình)

- Tổng dự toán kinh phí điều chỉnh, bổ sung Chương trình Khuyến nông giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long **319.147,2 triệu đồng** (Ba trăm mười chín tỷ, một trăm bốn mươi bảy triệu, hai trăm ngàn đồng)

+ Nguồn ngân sách tỉnh: **117.697,2 triệu đồng**

(Giảm 21.327,8 triệu đồng so với Quyết định 944/QĐ-UBND)

+ Nguồn khuyến nông Trung ương: 1.450 triệu đồng

+ Nguồn đối ứng của hộ dân: 200.000 triệu đồng

- Phân kỳ kinh phí thực hiện hàng năm từ nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ thực hiện chương trình:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Phân bổ nguồn kinh phí	Tổng Kinh phí được phê duyệt theo Quyết định số 944/QĐ-UBND	Đề nghị bổ sung, điều chỉnh					
			Phân kỳ cho từng năm					Tổng cộng giai đoạn
			2021	2022	2023	2024	2025	
I	Thực hiện các dự án khuyến nông	130.025,3	8.789,2	10.761,3	29.188,3	34.850,8	27.902,2	111.491,8
1-	Lĩnh vực Trồng trọt	33.610	2.341,9	2.660,1	8.154,1	5.862	4.440	23.458,1
2-	Lĩnh vực chăn nuôi	37.818	1.932,2	2.269,8	4.487,1	4.931,5	5.421,8	19.042,4
3-	Lĩnh vực thủy sản	10.024	472,8	569,5	1.163,2	600	700	3.505,4
4-	Hỗ trợ chứng nhận sản xuất nông nghiệp hữu cơ, VietGAP, GlobalGAP và xây dựng nhãn hiệu hàng hóa	12.500	-	-	800	1.800	1.800	4.400
5-	Lĩnh vực phát triển sản xuất giống	36.073	3.815,1	5.037,4	6.746,9	7.592,3	6.128,4	29.320,1
6-	Hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp	-	-	-	7.590,2	13.051	8.330	28.971,2
II.	Hoạt động khuyến nông thường xuyên	9.000	-	2.250	2.250	2.250	2.250	9.000
Tổng cộng		139.025	8.562	12.786,8	31.191,5	36.086,8	29.070,2	117.697,2

PHỤ LỤC 1**DANH MỤC DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Tên dự án	Mục tiêu	Nội dung và quy mô thực hiện	Phân kỳ đầu tư cho từng năm					Tổng cộng cả giai đoạn
				2021	2022	2023	2024	2025	
1	Phát triển sản xuất lúa ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2025 (Đã được phê duyệt)	Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật về giống, kỹ thuật canh tác tiên tiến trong sản xuất lúa để nâng cao hiệu quả sản xuất; Hỗ trợ sản xuất nâng cao năng lực ứng phó với các điều kiện hạn hán, xâm nhập mặn trong sản xuất nông nghiệp tại địa phương nói chung, sản xuất lúa nói riêng.	Xây dựng trình diễn kỹ thuật, chuyển giao KHCN với qui mô 1100 ha sản xuất lúa thâm canh bền vững. Hỗ trợ 180 thiết bị đo độ mặn, phèn nhằm phản ứng nhanh, xử lý, ứng phó kịp thời trong điều kiện hạn hán, xâm nhập mặn ảnh hưởng đến sản xuất.	991	1.089	1.182	1.312	1.440	6.014

2	Hỗ trợ phát triển sản xuất vùng chuyên canh khoai lang phục vụ xuất khẩu giai đoạn 2021-2023 <i>(Đã được phê duyệt)</i>	- Xây dựng vùng sản xuất chuyên canh khoai lang hàng hóa tập trung áp dụng đồng bộ quy trình sản xuất đảm bảo an toàn thực phẩm; đạt chứng nhận VietGAP; nhằm nâng cao chất lượng, năng suất vùng thâm canh cây khoai lang tạo cơ sở phát triển nâng cấp chuỗi giá trị ngành hàng khoai lang, duy trì và phát triển thương hiệu cây khoai lang Bình Tân. Xây dựng vùng chuyên canh khoai lang hàng hóa xuất khẩu của huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long đáp ứng được các điều kiện bắt buộc tuân thủ thực hiện trong xuất khẩu chính ngạch sang các thị trường xuất khẩu. - Hỗ trợ huyện Bình Tân thực hiện hoàn thành tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn vào năm 2022; góp phần thúc đẩy sự phát triển đời sống kinh tế - xã hội cho bà con nông dân sản xuất khoai lang. - Quản lý được những loài dịch hại là đối tượng KDTV của nước nhập khẩu. Đồng thời kiểm soát được việc sử dụng các thuốc BVTV cấm sử dụng các thuốc BVTV trên nông sản xuất khẩu	Xây dựng vùng chuyên canh khoai lang hàng hóa xuất khẩu an toàn dịch bệnh và áp dụng đồng bộ quy trình sản xuất ATTP có truy xuất nguồn gốc: + Tập huấn chuyển giao quy trình sản xuất đảm bảo ATTP có truy xuất nguồn gốc: 40 lớp/1200 người + Xây dựng vùng sản xuất khoai lang hàng hóa xuất khẩu không nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật: với quy mô 12 vùng /120ha/8 xã có trồng khoai lang. Xây dựng mô hình sản xuất khoai lang đạt chứng nhận VietGAP: 4 MH (30ha/MH= 120 ha) Đào tạo kiểm tra viên nội bộ theo tiêu chuẩn VietGAP. Hướng dẫn tư vấn xây dựng, vận hành hệ thống quản lý, ứng dụng các quy trình theo tiêu chuẩn VietGAP vào trong sản xuất: 4 lớp/160 người. Hội nghị liên kết sản xuất tiêu thụ doanh nghiệp tọa đàm với nông dân tại vùng sản xuất: 3 cuộc Hoạt động XTTM ngành hàng khoai lang trong và ngoài nước: 3 cuộc	623,1	730,7	687,5	-	-	2.041,3
---	---	---	---	-------	-------	-------	---	---	---------

3	Xây dựng mô hình ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất lúa giai đoạn 2021-2023 (Đã được phê duyệt)	Ứng dụng cơ giới hóa khâu gieo hạt, phân thuốc, phân.... trong sản xuất lúa nhằm tăng năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất (hạt giống, công lao động...), tăng thu nhập cho người sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất lúa, góp phần đẩy mạnh áp dụng cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất lúa	Tổng cộng 5 năm xây dựng 54 điểm trình diễn mô hình với tổng diện tích 270ha. (5ha/điểm trình diễn). Tập huấn kỹ thuật trong và ngoài mô hình: 28 lớp/5 năm (30 người/lớp) Hội nghị nhân rộng mô hình 16 cuộc/ 5 năm (30 người/lớp)	727,8	840,4	934,6	-	-	2.502,8
4	Dự án “Xây dựng mô hình trình diễn sản xuất khóm (dứa) theo hướng GAP, tại huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2023 -2024”	Xây dựng vùng nguyên liệu sản xuất khóm (dứa) theo hướng GAP, gắn với tiêu thụ sản phẩm, dần hình thành chuỗi giá trị sản phẩm có sức cạnh tranh cao góp phần tăng nhanh giá trị và lợi nhuận trên đơn vị diện tích; Đưa mô hình sản xuất khóm thích ứng tốt với biến đổi khí hậu và chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn tỉnh, xây dựng mã số vùng trồng để tăng nhanh giá trị và lợi nhuận trên đơn vị diện tích; góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn tỉnh.	Hỗ trợ giống, vật tư thiết yếu trình diễn 40 ha mô hình sản xuất khóm (dứa) theo hướng GAP, cụ thể: - Năm 2023: Đầu tư hỗ trợ 20 ha mô hình sản xuất khóm theo hướng GAP - Năm 2024: + Đầu tư hỗ trợ 20 ha mô hình sản xuất khóm theo hướng GAP. + Cấp mã số vùng trồng cho 40 ha vùng nguyên liệu sản xuất khóm theo hướng GAP của dự án (trong đó: 20 ha của năm 2023, 20 ha của năm 2024). - Tổ chức 4 cuộc tập huấn kỹ thuật canh tác khóm ATTP; tổ chức 01 cuộc hội nghị sơ kết dự án năm 2023 và 1 cuộc tổng kết dự án giai đoạn 2023-2024.	-	-	1.350	1.550	-	2.900

5	Hỗ trợ phát triển mô hình nông nghiệp đô thị an toàn theo hướng hữu cơ tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2023 - 2025	Phát triển các mô hình nông nghiệp giá trị tăng cao, bền vững, thân thiện với môi trường sinh thái, thích ứng biến đổi khí hậu, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Phát triển rau quả, nấm tạo ra thực phẩm hữu cơ, môi trường an toàn cho người nông dân và sản phẩm hàng hóa có giá trị ngày càng tăng cao, giúp cho người nông dân tại các vùng đô thị (thị trấn, thị xã, thành phố).	Tổng cộng 3 năm xây dựng 220 điểm trình diễn mô hình, cụ thể: năm 2023: Xây dựng hỗ trợ 115 điểm trồng rau theo hướng hữu cơ; năm 2024: 45 điểm sản xuất nấm an toàn; năm 2025: 60 điểm trồng rau màu theo hướng hữu cơ. Tập huấn kỹ thuật trong và ngoài mô hình: 21 lớp/3 năm (20 người/lớp) Hội nghị nhân rộng mô hình 21 cuộc/ 3 năm (30 người/lớp)	-	-	500	500	500	1.500
6	Xây dựng mô hình sản xuất cam Sành hữu cơ	Xây dựng vùng nguyên liệu cam Sành 20 ha, áp dụng đồng bộ quy trình sản xuất đạt chứng nhận hữu cơ tại các huyện Tam Bình, Trà Ôn. Hỗ trợ phát triển vùng cam Sành hữu cơ, tạo sản phẩm đạt chất lượng cao, góp phần nâng cao giá trị sản xuất của ngành trồng trọt. Liên kết tiêu thụ vùng cam Sành hữu cơ bền vững; nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm Cam Sành hữu cơ trên thị trường trong nước và xuất khẩu.	(1) Xây dựng mô hình sản xuất cam Sành đạt chứng nhận hữu cơ trên diện tích 20 ha tại các huyện Tam Bình, Trà Ôn. (2) Đào tạo kiểm tra viên nội bộ theo tiêu chuẩn hữu cơ. Hướng dẫn tư vấn xây dựng, vận hành hệ thống quản lý, ứng dụng các quy trình theo tiêu chuẩn hữu cơ vào trong sản xuất: 3 lớp. (3)Liên kết sản xuất tiêu thụ doanh nghiệp với nông dân tại vùng sản xuất (5) Hoạt động XTMM ngành hàng Cam Sành hữu cơ trong nước: 1 cuộc	-	-	3.500	2.500	2500	8.500
TỔNG CỘNG				2.341,9	2.660,1	8.154,1	5.862,0	4.440,0	23.458,1

PHỤ LỤC 2**DANH MỤC DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG LĨNH VỰC CHĂN NUÔI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long)

Đơn vị tính: triệu đồng

SỐ TT	Tên dự án	Mục tiêu	Nội dung và quy mô thực hiện	Phân kỳ đầu tư cho từng năm					Tổng cộng cả giai đoạn
				2021	2022	2023	2024	2025	
1	Hỗ trợ phát triển đàn bò sinh sản theo hướng an toàn sinh học quy mô nông hộ tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2025(Đã được phê duyệt)	Nâng cao chất lượng đàn bò tỉnh Vĩnh Long nói chung; gia tăng số lượng và nâng cao chất lượng đàn bò cái nền sinh sản của tỉnh nói riêng. - Xây dựng mô hình chăn nuôi bò sinh sản theo hướng an toàn sinh học, đảm bảo vệ sinh môi trường, góp phần phát triển chăn nuôi bò theo hướng bền vững, an toàn dịch bệnh, tạo thêm việc làm cho lao động nông thôn, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống cho người dân, ở nông thôn. - Chuyển đổi nhận thức của nông dân từ phương thức chăn nuôi truyền thống chuyển sang phương pháp chăn nuôi khoa học, giúp người nông dân ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật tiên tiến vào chăn nuôi bò sinh sản đạt hiệu quả, năng suất, chất lượng cao, khắc phục những tồn tại về giống, góp phần nâng tỉ lệ bò lai giống ngoại đến năm 2020 đạt 50% tổng đàn.	Tổng giai đoạn 5 năm (2021-2025) là 606 con, tương đương với 102 - 606 mô hình (mỗi mô hình 1 – 3 con)	952,5	1.169,8	1.268,7	1.383,8	1.528,2	6.303

2	Hỗ trợ phát triển chăn nuôi gà thịt theo hướng hữu cơ gắn liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2023-2025	Hỗ trợ xây dựng mô hình chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ gà thịt trong chuỗi giá trị gia cầm nhằm tạo được hướng chuyển biến tích cực trong định hướng chăn nuôi, thay đổi tập quán chăn nuôi của người dân từ hình thức chăn nuôi quy mô nhỏ, lẻ, phân tán sang chăn nuôi tập trung theo hướng hữu cơ, đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn dịch bệnh, mang tính bền vững cao. Nâng cao giá trị sản phẩm thịt gà, bảo đảm chất lượng sản phẩm, hướng nông hộ chăn nuôi gà theo hướng hữu cơ, mở rộng thị trường tiêu thụ, liên kết chuỗi ổn định đầu ra an tâm phát triển sản xuất.	Tổng giai đoạn 3 năm (2023-2025) là 51.000 con, tương đương từ 60-90 mô hình (mỗi mô hình từ 300-1.000con)	-	-	1.000	1.100	1.200	3.300
3	Nhân rộng mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ trứng vịt theo hướng giá trị gia tăng tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2025 (Đã được phê duyệt)	Xây dựng và phát triển mô hình chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ trứng vịt trong chuỗi giá trị gia cầm nhằm tạo được hướng chuyển biến tích cực trong định hướng chăn nuôi, thay đổi tập quán chăn nuôi của người dân từ hình thức chăn nuôi quy mô nhỏ, lẻ, phân tán sang chăn nuôi tập trung theo hướng sản xuất hàng hóa, đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn dịch bệnh, mang tính bền vững cao Nâng cao giá trị sản phẩm trứng vịt, bảo đảm chất lượng sản phẩm, hướng nông hộ chăn nuôi vịt theo hướng an toàn, có ý thức trách nhiệm về chất lượng sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ, liên kết chuỗi ổn định đầu ra an tâm phát triển sản xuất	Qui mô giai đoạn 5 năm (2021-2025) là 133.000 con, tương đương với 266 mô hình (mỗi mô hình 500con)	979,7	1.100	1.218,4	1.347,7	1.493,6	6.139,4

4	Xây dựng mô hình chăn nuôi vịt thịt gắn liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2023 - 2025	Xây dựng và phát triển mô hình chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ vịt thịt trong chuỗi giá trị gia cầm nhằm tạo được hướng chuyển biến tích cực trong định hướng chăn nuôi, thay tập quán chăn nuôi của người dân từ hình thức chăn nuôi quy mô nhỏ, lẻ, phân tán sang chăn nuôi tập trung theo hướng sản xuất hàng hóa, đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn dịch bệnh, mang tính bền vững cao. - Nâng cao giá trị sản phẩm thịt vịt, bảo đảm chất lượng sản phẩm, hướng nông hộ chăn nuôi vịt thịt theo hướng an toàn sinh học, mở rộng thị trường tiêu thụ, liên kết chuỗi ổn định đầu ra an tâm phát triển sản xuất.	Tổng giai đoạn 3 năm (2023-2025) là 50.000 con, tương đương với 50 - 80 mô hình (mỗi mô hình từ 300-1000 con)	-	-	1.000	1.100	1.200	3.300
TỔNG CỘNG				1.932,2	2269,8	4487,1	4931,5	5421,8	19.042,4

PHỤ LỤC 3**DANH MỤC DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG LĨNH VỰC THỦY SẢN***(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long)**Đơn vị tính: triệu đồng*

SỐ TT	Tên dự án	Mục tiêu	Nội dung và quy mô thực hiện	Phân kỳ đầu tư cho từng năm					Tổng cộng cả giai đoạn
				2021	2022	2023	2024	2025	
1	Xây dựng vùng nuôi lươn thâm canh đảm bảo an toàn thực phẩm gắn với liên kết sản xuất và tiêu thụ tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2023 (Đã được phê duyệt)	- Xây dựng và phát triển vùng nuôi lươn thâm canh đảm bảo an toàn thực phẩm nhằm thay đổi tập quán của người dân từ hình thức nuôi với quy mô nhỏ lẻ, phân tán sang nuôi tập trung theo hướng sản xuất hàng hóa, mang tính bền vững, đa dạng hóa đối tượng thủy sản nuôi. - Từng bước mở rộng vùng nuôi lươn an toàn thực phẩm tập trung, đảm bảo chất lượng, số lượng để cung cấp sản phẩm cho thị trường trong và ngoài tỉnh, gắn kết chặt chẽ sản xuất và tiêu thụ, giúp người dân an tâm phát triển sản xuất	- Xây dựng 09 vùng nuôi lươn thâm canh an toàn thực phẩm (ATTP) gồm 84 điểm mô hình với diện tích 840m ² - Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật về quy trình nuôi lươn không bùn cho người dân với 09 cuộc tập huấn và 03 cuộc hội thảo -tổng kết - Vận động thành lập 09 tổ hợp tác/nhóm liên kết nuôi lươn ATTP.	472,8	569,5	663,2			1.705,4
2	Hỗ trợ nuôi các loài thủy đặc sản thâm canh theo hướng ATTP gắn với liên kết sản xuất và tiêu thụ tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2023-2025	- Xây dựng và phát triển vùng nuôi chuyên canh các đối tượng thủy đặc sản có thể mạnh để nâng cao giá trị trong sản xuất; tạo thêm việc làm. nâng cao mức sống cho lao động nông thôn	Qui mô giai đoạn 3 năm (2023-2025) gồm 03 MH: - MH nuôi thâm canh cá sặc rằn với quy mô 370.000 con, tương đương 37 hộ, (10.000 con/hộ). - MH nuôi ếch với tổng quy mô 120.000 con, tương đương 48 hộ (2.500 con/hộ) - MH nuôi rắn ri voi tổng quy mô 4.100 con, tương đương 41 hộ (100 con/hộ).	-	-	500	600	700	1.800
TỔNG CỘNG				472,8	569,5	1.163,2	600	700	3.505,4

PHỤ LỤC 4
HỖ TRỢ CHỨNG NHẬN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ, VIETGAP, GLOBALGAP
VÀ XÂY DỰNG NHÃN HIỆU HÀNG HÓA

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long)

Đơn vị tính: triệu đồng

SỐ TT	Nội dung	Mục tiêu	Nội dung và quy mô thực hiện	Phân kỳ đầu tư cho từng năm					Tổng cộng cả giai đoạn
				2021	2022	2023	2024	2025	
1	Phát triển thị trường và xây dựng thương hiệu cho nông sản đặc sản tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2024-2025.	- Góp phần thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững. - Xây dựng và phát triển thương hiệu cho nông sản, đặc sản và dịch vụ nông nghiệp địa phương. - Nâng cao tính cạnh tranh sản phẩm nông sản, đặc sản và dịch vụ nông nghiệp tạo chỗ đứng trên thị trường trong nước và quốc tế - Tăng cường hiệu quả hoạt động xúc tiến thương mại cho nông sản và sản phẩm chế biến từ nông sản tỉnh Vĩnh Long	- Phát triển thị trường: Hội chợ trưng bày, triển lãm, giao thương, tổ chức sự kiện: 1- 2 cuộc - Hỗ trợ điểm trưng bày giới thiệu và phân phối sản phẩm nông sản đặc sản tại tỉnh (2 điểm). - Liên kết hoặc phối hợp tại các địa phương khác (2 điểm) - Phát triển sản phẩm: 3-5 sản phẩm/năm (nhãn hiệu, bao bì, tài liệu chào hàng, thương mại điện tử,...). - Xây dựng thương hiệu cho nông sản (nhãn hiệu tập thể, định vị thương hiệu, chỉ dẫn địa lý...) - Thông tin tuyên truyền (xây dựng cuốn Catague, tờ rơi và xây dựng phim giới thiệu nông sản đặc sản tỉnh Vĩnh Long; Xây dựng chuyên đề trên truyền hình, báo và các phương tiện truyền thông khác; hỗ trợ truyền thông. - Hỗ trợ ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến vào sản xuất và kinh doanh nông sản đặc sản tỉnh Vĩnh Long. - Hội nghị, Hội thi nông sản đặc sản tỉnh Vĩnh Long,....	-	-	-	1.000	1.000	2.000

2	Hỗ trợ xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp đạt tiêu chuẩn GAP (và tương đương) trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2023 – 2025	Chứng nhận các sản phẩm nông nghiệp (lúa, cây ăn trái, rau màu,...) đạt những tiêu chuẩn GAP (và tương đương); Từ đó khuyến khích nông dân đẩy mạnh sản xuất giao thương, tăng cường bảo vệ an toàn thực phẩm, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên...	Hỗ trợ 6 mô hình sản xuất nông nghiệp (lúa, cây ăn trái, rau màu,...) đạt những tiêu chuẩn GAP (và tương đương)	-	-	800	800	800	2.400
TỔNG CỘNG				-	-	800	1.800	1.800	4.400

PHỤ LỤC 5**DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT GIỐNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long)

Đơn vị tính: triệu đồng

SỐ TT	Nội dung	Mục tiêu	Nội dung và quy mô thực hiện	Phân kỳ đầu tư cho từng năm					Tổng cộng cả giai đoạn
				2021	2022	2023	2024	2025	
1	Phát triển giống cây ăn trái tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021- 2025 (Đã được phê duyệt)	- Đầu tư, hỗ trợ giống cây ăn trái có trọng điểm sản phẩm chủ lực theo hướng gia tăng giá trị giai đoạn 2021-2025; - Nâng cao giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh của các mặt hàng nông sản chủ lực thông qua việc tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả bằng xây dựng sản phẩm đạt tiêu chuẩn GlobalGAP/VietGAP. Xây dựng vùng nguyên liệu lớn, tập trung có giá trị, đặc thù, có thương hiệu và truy xuất nguồn gốc sản phẩm.	- Đầu tư 400 cây (cam Sành, bưởi Da xanh, bưởi Năm roi) và 100 cây mít cao sản (Changgai-Thái Lan) S1 để khai thác mắt ghép cung cấp cho việc nhân giống cây có múi và cây mít giai đoạn 2021-2025. - Hỗ trợ cây giống xây dựng vùng nguyên liệu cây ăn trái theo hướng gia tăng giá trị đối với cam Sành, bưởi Năm Roi, bưởi Da xanh, nhãn Xuồng cơm vàng sần riêng (Ri 6 và Mong Thon), mít cao sản và dừa đặc sản với diện tích 500 ha, số lượng 707.000 cây giống trên địa bàn tỉnh và không hỗ trợ chi phí vật tư. Chuyên giao khoa học kỹ thuật 107 cuộc (2.200 người, 5 năm). Đầu tư hỗ trợ 100 ha xây dựng mô hình Bưởi Năm Roi đạt chứng nhận GlobalGAP và 200 ha mô hình bưởi Da xanh, cam Sành, mít Changgai đạt chứng nhận VietGAP.	1.946,5	2.477	2.519,5	2.982,8	1.949,4	11.875,2

2	Phát triển giống lúa gạo tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2025 (Đã được phê duyệt)	- Xây dựng và phát triển bộ giống lúa mang thương hiệu giống lúa Vĩnh Long - Xây dựng mô hình liên kết chuỗi sản xuất giống lúa các cấp (nguyên chủng – xác nhận – hàng hóa), nâng cao năng lực sản xuất cho hệ thống nhân giống lúa thuần (nguyên chủng, xác nhận) đảm bảo giống có chất lượng tốt, cho năng suất cao; - Xây dựng vùng nguyên liệu sản xuất lúa chất lượng cao với quy mô lớn, tập trung phục vụ cho xuất khẩu và tiêu dùng trong nước. - Cùng cố liên kết sản xuất và tiêu thụ theo chuỗi giá trị, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, ổn định, tăng thu nhập cho người dân các xã nông thôn mới của tỉnh	- Chọn tạo được 1-2 giống lúa chất lượng cao mang thương hiệu giống lúa Vĩnh Long - Xây dựng mô hình liên kết chuỗi sản xuất giống lúa các cấp (nguyên chủng – xác nhận – hàng hóa), nâng cao năng lực sản xuất cho hệ thống nhân giống lúa thuần với quy mô 300ha - Xây dựng vùng nguyên liệu sản xuất lúa chất lượng cao phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu với quy mô 3.800ha - Tập huấn chuyển giao KHKT 30 lớp/năm (900 lượt người tham dự)	873,1	1.315	1.482,0	1.614	1.684	6.968,1
3	Phát triển giống heo chất lượng cao tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2025 (Đã được phê duyệt)	- Góp phần thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Vĩnh Long theo hướng nâng cao giá trị, hiệu quả và phát triển bền vững giai đoạn 2021– 2025. - Duy trì và nâng cao chất lượng con giống nhằm phát triển giống heo chất lượng cao tại địa phương giai đoạn 2021 – 2025 với việc tăng năng suất và chất lượng sản phẩm nhằm mang lại	Qui mô đầu tư: - Heo giống cấp bố mẹ: 1.473 con (20 con Heo đực giống khai thác tỉnh; 1.453 con Heo cái giống) - Chuyển giao khoa học kỹ thuật (Tập huấn: 35 lớp/1.050 học viên; Hội thảo 05 cuộc / 150 người tham dự tổ chức ở tỉnh).	995,5	1.245,4	1.245,4	1.495,5	995	5.976,8

		hiệu quả kinh tế cao hơn cho người chăn nuôi trong địa bàn tỉnh. - Góp phần đưa ngành chăn nuôi heo thành một ngành sản xuất hàng hóa nông nghiệp chính trong cơ cấu sản xuất của ngành nông nghiệp.							
4	Phát triển giống thủy sản tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2023-2025	- Chủ động phát triển giống thủy sản trên địa bàn tỉnh, cải thiện chất lượng con giống thủy sản trong thời gian tới. - Xây dựng hệ thống nhân giống cá tra, cá điêu hồng và lươn nhằm cung cấp con giống có chất lượng cao và ổn định cho người nuôi trong và ngoài tỉnh.	Quy mô đầu tư: - Hỗ trợ thực hiện mô hình ương giống cá điêu hồng đơn tính toàn đực, cá tra và lươn với diện tích khoảng 101.180 m ² , khoảng 48 hộ/cơ sở tham gia. Cụ thể: + Ương giống cá điêu hồng đơn tính đực: diện tích khoảng 40.000 m ² ; 3.000.000 cá bột; 15 hộ/cơ sở tham dự; + Ương giống lươn: diện tích khoảng 180 m ² ; 180.000 lươn bột; 18 hộ/cơ sở tham dự; + Ương giống cá tra: diện tích khoảng 61.000 m ² ; 30.500.000 cá bột; 15 hộ/cơ sở tham dự. Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật về quy trình ương nuôi thủy sản cho người dân với 06 cuộc. Hội nghị triển khai dự án (03 cuộc) và hội nghị tổng kết dự án giai đoạn 2023-2025 (01 cuộc).	-	-	1.500	1.500	1.500	4.500
TỔNG CỘNG				3.815,1	5.037,4	6.746,9	7.592,3	6.128,4	29.320,1

PHỤ LỤC 6**DANH MỤC DỰ ÁN HỖ TRỢ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO VÀO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP***(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long)**Đơn vị tính: triệu đồng*

TT	Tên dự án	Mục tiêu	Nội dung, quy mô thực hiện	Phân kỳ đầu tư cho từng năm				Tổng cộng cả giai đoạn
				2022	2023	2024	2025	
1	Xây dựng vùng nguyên liệu dừa đạt chứng nhận hữu cơ gắn với liên kết tiêu thụ giai đoạn 2023- 2025	Thực hiện thắng lợi Quyết định số 158/QĐ-UBND, của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long đạt mục tiêu phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hữu cơ đối với cây trồng “Dừa hữu cơ” giai đoạn 2021- 2025. - Liên kết và phát triển vùng nguyên liệu dừa hữu cơ bền vững. Thông qua chương trình xúc tiến thương mại, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm dừa hữu cơ đối với thị trường trong nước và xuất khẩu. Nâng cao chất lượng, năng suất vùng thâm canh dừa hữu cơ tạo cơ sở phát triển chuỗi giá trị ngành hàng dừa hữu cơ, góp phần phát triển thương hiệu “Dừa hữu cơ Vĩnh Long”.	(1) Xây dựng vùng chuyển đổi sản xuất dừa 160 ha, trong đó ít nhất đạt chứng nhận hữu cơ 120 ha tại các huyện Vũng Liêm, Tam Bình, Trà Ôn, Mang Thít. (2) Đào tạo, hướng dẫn ứng dụng các quy trình theo tiêu chuẩn Hữu cơ vào trong sản xuất: 64 cuộc. (3) Hội nghị liên kết sản xuất tiêu thụ doanh nghiệp tọa đàm với nông dân tại vùng sản xuất: 13 cuộc. (4) Hoạt động XTTM ngành hàng dừa hữu cơ trong và ngoài nước: 2 cuộc. (5) Học tập kinh nghiệm mô hình dừa HC: 4 cuộc; (6) - Chuyển đổi số quản lý, ứng dụng công nghệ cao trong canh tác dừa hữu cơ. - Xây dựng bảo hộ nhãn hiệu, mã QR dừa hữu cơ Vĩnh Long..	-	3.232	2.957	1.818	8.007
2	Nhân rộng mô hình sử dụng hom giống khoai lang đạt tiêu chuẩn chất lượng trên địa bàn huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2023-2024	- Nhân rộng mô hình sử dụng hom giống khoai lang đạt tiêu chuẩn chất lượng nhằm khôi phục nguồn giống khoai lang hiện nay ngoài sản xuất.	- Xây dựng mô hình sử dụng giống khoai lang đạt chất lượng, tiêu chuẩn giống, với quy mô 80 ha. - Hội thảo chuyên đề về tuyên truyền, giới thiệu, nhân rộng mô hình sử dụng giống khoai lang đạt chất lượng, tiêu chuẩn giống trên địa bàn huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long: 2 cuộc.	-	878,2	1.449	-	2.327,2

3	“Phát triển sản xuất vùng chuyên canh xà lách xoong theo hướng hữu cơ trên địa bàn thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long” giai đoạn 2023-2025	Xây dựng vùng sản xuất xà lách xoong theo hướng hữu cơ trên cơ sở tiêu chuẩn Việt Nam về sản xuất chế biến rau hữu cơ, nhằm nâng cao chất lượng, duy trì và phát triển thương hiệu xà lách xoong tại thị xã Bình Minh.	Xây dựng vùng chuyển đổi và mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để chuyển đổi từ phương thức sản xuất rau xà lách xoong truyền thống sang sản xuất rau xà lách xoong theo hướng hữu cơ. - Tổ chức 3 lớp tập huấn chuyển giao kỹ thuật sản xuất xà lách xoong theo hướng hữu cơ. - XTTM: 03 cuộc	-	730	745	745	2.220
4	Ứng dụng công nghệ sinh học trong xây dựng và quản lý vùng trồng an toàn dịch hại tỉnh Vĩnh Long phục vụ xuất khẩu giai đoạn 2024-2025	Góp phần nâng cao nhận thức của nông dân trong tỉnh về việc canh tác đi đôi với bảo vệ môi trường, đảm bảo nông nghiệp phát triển bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu. - Xây dựng vùng sản xuất an toàn dịch hại gắn với việc cấp mã số vùng trồng để phục vụ xuất khẩu.- Phát hiện, kiểm soát, ngăn chặn kịp thời các đối tượng kiểm dịch thực vật. - Hướng dẫn nông dân các kỹ năng trong việc ghi chép, phương pháp thu thập số liệu về sinh trưởng, sâu bệnh, đánh giá nguy cơ ảnh hưởng của dịch hại đến sinh trưởng, năng suất cây trồng. - Giảm thiểu mối nguy hại do lạm dụng hoá chất, nhất là thuốc BVTV đối với sức khỏe cộng đồng, môi trường, an toàn thực phẩm. - Đẩy mạnh việc ứng dụng IPM trên các cây trồng, nhằm giảm chi phí sản xuất, giá thành tăng thu nhập cho nông dân	(1) Xây dựng 20 mô hình ứng dụng CNSH vào sản xuất trên tổng diện tích 98 ha bao gồm các loại cây: sầu riêng, nhãn, bưởi năm roi, bưởi da xanh, xoài, rau màu,... (2) Tổ chức 35 lớp tập huấn chuyển giao kỹ thuật cho nông dân kỹ thuật ứng dụng CNSH trong quản lý sâu bệnh hại trên cây trồng (3 chuyên đề/ 1 MH). (3) Tổ chức 15 cuộc hội thảo, hội nghị đánh giá và nhân rộng mô hình. (4) In 60.000 sổ tay: xây dựng MSVT, hướng dẫn phòng chống dịch hại (quy trình quản lý dịch hại, hướng dẫn sổ tay ghi chép, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật an toàn và hiệu quả. (5) Tập huấn cán bộ và nông dân về kiến thức xây dựng MSVT, vùng sản xuất an toàn dịch hại. (6) Xây dựng mã số vùng trồng: - Xây dựng 20 vùng trồng: lúa 4, khoai lang 4, hành lá 2, cam Sành 2, bưởi 3, sầu riêng 3, nhãn 2.- Tổng diện tích được cấp mã số vùng trồng là 1.000 ha, Diện tích 01 vùng trồng: 50 ha/vùng.	-	-	2.500	1.500	4.000

5	Xây dựng mô hình nông nghiệp công nghệ cao theo chuỗi giá trị trên lĩnh vực rau màu tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2023-2025	- Phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng hiện đại, tăng chất lượng, giảm giá thành; sản xuất theo VietGAP trên sản phẩm chủ lực, có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh. - Thực hiện thành công tái cơ cấu ngành nông nghiệp, phù hợp với quy hoạch chung phát triển kinh tế - xã hội, gắn với xây dựng nông thôn mới; phát huy lợi thế điều kiện tự nhiên, tiềm năng địa phương; gắn với liên kết vùng và hội nhập quốc tế. Tăng cường sự tham gia của các thành phần kinh tế, khuyến khích liên kết các hộ nông dân sản xuất nông sản hàng hóa tập trung. Khuyến khích nông dân và doanh nghiệp đổi mới giống, qui trình sản xuất, công nghệ, thiết bị để nâng cao hiệu quả, phát triển bền vững.	(1) Đầu tư xây dựng 9 mô hình canh tác dưa lưới, dưa lê, dưa leo, cà chua trong nhà màng công nghệ cao đạt tiêu chuẩn VietGAP (Mỗi mô hình có diện tích 1.000 m²). Đồng thời hỗ trợ các hoạt động xúc tiến thương mại, truy xuất nguồn gốc sản phẩm. (2) Phối hợp với chuyên gia chuyển giao tiến bộ kỹ thuật canh tác công nghệ cao cho người dân với 12 cuộc. (3) Đầu tư tạo hình khuôn vuông, đồng tiền trên đối tượng dưa lê trồng trong nhà màng đạt tỷ lệ 10% số lượng cây trồng để nâng cao giá trị và tăng lợi nhuận cho người trồng dưa lê. (4) Hội nghị triển khai dự án (03 cuộc) và hội nghị tổng kết dự án giai đoạn 2023 - 2025 (01 cuộc)	-	1.000	1.000	1.000	3.000
---	---	--	--	---	-------	-------	-------	-------

6	Ứng dụng chuyển đổi số trong nâng cao hiệu quả hoạt động tư vấn Khuyến nông và thông tin tuyên truyền tại tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2024-2025	Ứng dụng những lợi ích của chuyển đổi số trong nông nghiệp để đáp ứng nhanh chóng và kịp thời thông tin đến nông dân.- Nâng cao nhận thức, năng lực cho hệ thống khuyến nông về chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động khuyến nông	(1) Xây dựng và hỗ trợ hệ thống gồm 30 CTV tuyên truyền tại cơ sở (cấp xã/phường/thị trấn); (2) Tổ chức 05 lớp tập huấn đào tạo đội ngũ CTV tuyên truyền tại cơ sở sử dụng phần mềm tư vấn khuyến nông và cập nhật những tính năng được nâng cấp qua từng năm; đào tạo kỹ năng thu thập hình ảnh, biên tập, xây dựng video. (3) Thực hiện công tác tư vấn khuyến nông nhanh chóng, kịp thời và xuyên suốt để đáp ứng nhu cầu trao đổi thông tin của người dân thông qua phần mềm tư vấn; (4) Tổ chức 20 cuộc tư vấn trực tuyến định kỳ theo các chủ đề (5) Thực hiện xây dựng và phát hành video clip giới thiệu quảng bá về công tác tư vấn khuyến nông ứng dụng chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng.	-	-	2.000	2.000	4.000
7	Dự án “Đầu tư sản xuất giống và khôi phục vùng chuyên canh cây bưởi Năm Roi tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2023-2025”	Thực hiện Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2025"; - Đầu tư, hỗ trợ cây giống chất lượng nhằm xây dựng và khôi phục vùng chuyên canh cây bưởi Năm Roi hiện nay bị già cỗi, bệnh vàng lá nặng, khó có khả năng phục hồi trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2023-2025; - Tổ chức lại kỹ thuật canh tác cây bưởi Năm Roi theo hướng hữu cơ tạo sự chuyển biến cho người sản xuất và người tiêu dùng về sản phẩm nông nghiệp	Nội dung 1: Đầu tư hỗ trợ cây bưởi Năm Roi S1 phục vụ nhân giống - Nhập nguồn giống 300 cây bưởi Năm Roi S1 từ Viện Cây Ăn Quả Miền Nam, đạt tiêu chuẩn chất lượng để khai thác nguyên liệu mắt thấp và nhân giống tại Trại Giống cây trồng. - Diện tích trồng cây S1: 0,5 ha trong năm 2023. - Diện tích trồng 8.400 cây giống được nhân từ cây S1. - Hỗ trợ 100% chi phí mua cây giống bưởi Năm Roi S1 và 30% chi phí sản xuất theo Nghị quyết 24/2022/NQ-HĐN, ngày 15/7/2022.	-	200	600	1.267	2.067

		sạch, bền vững, thân thiện môi trường sinh thái, gắn với kinh tế nông nghiệp hướng tới phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Đồng thời khôi phục lại diện tích và thương hiệu bưởi Năm Roi trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long	* Khả năng khai thác mắt ghép và nhân giống cây bưởi Năm Roi S1 tại Trại Giống cây trồng - Từ tháng 5 năm 2023 đến tháng 5 năm 2024 (sau khi trồng 1 năm): sẽ khai thác được 35 mắt ghép/cây. Với 300 cây S1 sẽ khai thác 8.400 mắt ghép trên cây thành phẩm để trồng và khai thác cành chiết. - Từ tháng 5 năm 2025: Với số lượng 300 cây bưởi Năm Roi S1 sau khi khai thác mắt ghép sẽ tiếp tục chăm sóc để khai thác nhánh chiết cung cấp cho địa phương có nhu cầu vào năm 2026 trở đi. Nội dung 2: Đầu tư hỗ trợ chứng nhận vườn bưởi Năm Roi đầu dòng tại Trại Giống cây trồng Vườn cây bưởi Năm Roi được trồng, chăm sóc, theo dõi, ghi nhận tình hình sinh trưởng, phát triển của nguồn giống quản lý tiên tới công nhận vườn cây đầu dòng. Từ đó, hình thành hệ thống quản lý và khai thác vườn cây đầu dòng trong tỉnh; Thực hiện liên kết cung ứng nguyên liệu mắt ghép cho hệ thống sản xuất, cung ứng mắt ghép bưởi Năm Roi đạt chất lượng cao Thời gian chứng nhận vườn cây đầu dòng vào cuối 2025. Nội dung 3: Hỗ trợ cây giống khôi phục vùng nguyên liệu bưởi Năm Roi năm 2025 - Hỗ trợ cây giống nhằm khôi phục vùng nguyên liệu bưởi Năm Roi với diện tích 30 ha (chiếm khoảng 2% diện tích trồng bưởi 5 Roi tại Thị xã Bình					
--	--	--	---	--	--	--	--	--

			Minh), mật độ 500 cây/ha, số lượng 15.000 cây giống trên địa bàn tỉnh (trong đó có thực hiện 01 mô hình kiểu mẫu với diện tích 0,5 ha theo đúng với yêu cầu kỹ thuật hướng dẫn của cán bộ chuyên môn ngành nông nghiệp). - Hỗ trợ 50% chi phí cây giống và vật tư (theo Nghị định 83/2018/NĐ-CP, ngày 28/3/2018 của Chính Phủ về Khuyến Nông). - Phân kỳ địa điểm đầu tư năm 2025. Căn cứ vào nhu cầu của từng địa phương, diện tích được phân bổ cho từng huyện/thị xã sẽ được nhận danh sách đăng ký vào đầu năm 2025. - Kiểm soát chất lượng cây giống: Sau thời gian trồng và chăm sóc cây bưởi Năm Roi được nhân từ cây S1 theo đúng quy trình yêu cầu kỹ thuật. Để đảm bảo chất lượng cây giống không bị nhiễm bệnh, do đó, trước khi thực hiện việc chiết cung ứng cây giống cho thị trường sẽ tiến hành kiểm tra bệnh vàng lá gân xanh, bệnh Tristeza bằng kỹ thuật PCR, ELISA bằng hình thức test mẫu gộp Nội dung 4: Triển khai, tập huấn, hội thảo, hội nghị tổng kết Phối hợp với các chuyên gia mở 01 cuộc triển khai, 04 cuộc tập huấn chuyển giao kỹ thuật về thiết kế mương, liếp, kỹ thuật trồng, chăm sóc cây theo hướng hữu cơ; 01 cuộc hội nghị tổng kết dự án giai đoạn 2023-2025.					
--	--	--	--	--	--	--	--	--

8	Ứng dụng thiết bị bay không người lái (máy bay nông nghiệp) trong sản xuất nông nghiệp tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2023 2024	Thiết bị bay không người lái (máy bay nông nghiệp) tiết kiệm 20-30% phân bón, thuốc BVTV và giảm công lao động, từ đó dẫn đến giảm chi phí sản xuất, giảm giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận; đồng thời góp phần bảo vệ môi trường, sản xuất thích ứng với biến đổi khí hậu, đảm bảo phát triển nông nghiệp bền vững, tăng nhanh giá trị và lợi nhuận trên đơn vị diện tích; góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn tỉnh	Hỗ trợ thiết bị bay không người lái; hỗ trợ vật tư thiết yếu trình diễn 104 ha mô hình thâm canh sầu riêng, bưởi, cụ thể: - Năm 2023: Đầu tư hỗ trợ 44 ha mô hình sản xuất mô hình thâm canh sầu riêng theo hướng GAP Hỗ trợ thiết bị bay không người lái: 3 thiết bị - Năm 2024: Đầu tư hỗ trợ 60 ha mô hình sản xuất mô hình thâm canh bưởi (bưởi da xanh, bưởi năm roi) theo hướng GAP Hỗ trợ thiết bị bay không người lái: 2 thiết bị - Tổ chức 10 cuộc tập huấn kỹ thuật canh tác ATTP; tổ chức 01 cuộc hội nghị sơ kết dự án năm 2023 và 1 cuộc tổng kết dự án giai đoạn 2023-2024.		1.550	1.800		3.350	
TỔNG CỘNG					0	7.590,2	13.051	8.330	28.971,2